

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Cà Mau
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-BGTVT ngày 07/02/2024 của Bộ trưởng Giao thông vận tải về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch Cảng hàng không Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 1581/TTr-CHK ngày 02/4/2024 của Cục Hàng không Việt Nam về việc trình phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và văn bản số 2912/CHK-QLC ngày 14/6/2024 rà soát, hoàn thiện theo ý kiến Hội đồng thẩm định hồ sơ Quy hoạch Cảng hàng không Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 767/KHĐT ngày 25/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch Cảng hàng không Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Địa điểm: Cảng hàng không Cà Mau, tỉnh Cà Mau

3. Thời kỳ quy hoạch: Thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Nội dung quy hoạch

4.1. Vị trí, chức năng trong mạng cảng hàng không, sân bay toàn quốc: Là cảng hàng không quốc nội.

4.2. Tính chất sử dụng: Sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

4.3. Mục tiêu quy hoạch

a) Thời kỳ 2021-2030

- Cấp sân bay 4C (theo mã tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế - ICAO) và sân bay quân sự cấp II.

- Công suất: khoảng 1,0 triệu hành khách/năm và 1.000 tấn hàng hóa/năm.

- Loại tàu bay khai thác là code C như A320/A321 và tương đương.

- Phương thức tiếp cận hạ cánh: CAT I đầu 27 và giản đơn đầu 09.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

- Cấp sân bay 4C và sân bay quân sự cấp II.

- Công suất: khoảng 3,0 triệu hành khách/năm và 3.000 tấn hàng hóa/năm.

- Loại tàu bay khai thác là code C như A320/A321 và tương đương.

- Phương thức tiếp cận hạ cánh: CAT I đầu 27 và giản đơn đầu 09.

4.4. Quy hoạch hạng mục các công trình khu bay

a) Hệ thống đường cất hạ cánh

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch đường cất hạ cánh với kích thước 2.400 m x 45 m, trùng tim với đường cất hạ cánh hiện hữu và dịch ngưỡng đầu 09 khoảng 1.100 m về phía Đông, kích thước lề vật liệu theo quy định.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Giữ nguyên cấu hình đường cất hạ cánh đã được quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

b) Hệ thống đường lăn

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch 01 đường lăn nối kết nối với sân đỗ tàu bay mới quy hoạch ở phía Nam, kích thước, lề vật liệu theo quy định.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch 01 đường lăn song song về phía Bắc đường cất hạ cánh với chiều dài khoảng 2.400 m; quy hoạch bổ sung hệ thống đường lăn nối, đường lăn thoát nhanh theo nhu cầu, kích thước lề vật liệu theo quy định.

c) Sân đỗ máy bay

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch sân đỗ tàu bay phía Nam đường cất hạ cánh đáp ứng khoảng 04 vị trí đỗ.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch sân đỗ tàu bay phía Bắc đồng bộ với khu hàng không dân dụng mới, đáp ứng khoảng 10 vị trí đỗ và có dự trữ để mở rộng khi có nhu cầu.

4.5. Quy hoạch các công trình bảo đảm hoạt động bay

a) Đài kiểm soát không lưu:

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch Đài kiểm soát không lưu phía Bắc đường cất hạ cánh.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Duy trì Đài kiểm soát không lưu đã được quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

b) Hệ thống thiết bị dẫn đường:

- Quy hoạch hệ thống đài dẫn đường DVOR/DME cách đầu 27 của đường cất hạ cánh mới về phía Đông khoảng 1.440m với diện tích khoảng 10 ha.

- Quy hoạch hệ thống đèn tiếp cận CAT I ở đầu 27 và giản đơn ở đầu 09 của đường cất hạ cánh và hệ thống thiết bị ILS đồng bộ.

c) Hệ thống đèn hiệu sân bay

Quy hoạch hệ thống đèn hiệu sân bay đảm bảo đồng bộ khai thác.

4.6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung

a) Đường giao thông nội cảng

- Đường trục vào Cảng:

- + Thời kỳ 2021-2030: Kết nối theo tuyến đường hiện hữu từ Quốc lộ 1A.

- + Tầm nhìn đến năm 2050: Kết nối theo 02 hướng (i) Tuyến đường hiện hữu nối từ Quốc lộ 1A; (ii) Kết nối Khu hàng không dân dụng mới với tuyến đường Tôn Đức Thắng kéo dài.

- Đường giao thông nội Cảng: Quy hoạch các tuyến đường kết nối từ đường trục tới các khu chức năng của Cảng; mặt cắt ngang các tuyến đường từ 13,0 m - 25,0 m.

- Đường công vụ: Sử dụng đường công vụ hiện hữu, quy hoạch bổ sung hệ thống đường công vụ bảo đảm phục vụ công tác an ninh, an toàn của Cảng.

b) Hệ thống sân đỗ ô tô

- Thời kỳ 2021-2030: Sử dụng bãi đỗ xe trước nhà ga hiện hữu, mở rộng đáp ứng nhu cầu khai thác.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch sân đỗ ô tô đồng bộ cùng nhà ga hành khách mới ở phía Bắc đáp ứng công suất khai thác.

c) Hệ thống cấp điện

- Thời kỳ 2021-2030: Sử dụng trạm cấp điện hiện hữu; Quy hoạch bổ sung trạm cấp điện cho khu bay tại phía Tây nhà ga hành khách hiện hữu, lấy nguồn điện từ lưới điện Thành phố Cà Mau.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch trạm cấp điện trên khu đất phía Bắc đường cất hạ cánh, đồng bộ với khu hàng không dân dụng mới, diện tích khoảng 1.500 m², lấy nguồn điện từ lưới điện thành phố Cà Mau.

d) Hệ thống cấp nước

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch trạm cấp nước phía Tây nhà ga hành khách hiện hữu, lấy nguồn nước từ hệ thống cấp nước Thành phố Cà Mau và từ các giếng khoan được bơm vào các bể chứa dự trữ cung cấp cho toàn Cảng.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch trạm cấp nước phía Bắc đường cất hạ cánh đồng bộ với khu hàng không dân dụng mới, lấy nguồn nước từ hệ thống cấp nước Thành phố Cà Mau và từ các giếng khoan được bơm vào các bể chứa dự trữ cung cấp cho toàn Cảng đảm bảo nhu cầu khai thác.

đ) Hệ thống thoát nước

Tiếp tục sử dụng hệ thống thoát nước hiện hữu. Quy hoạch bổ sung hệ thống

mương, cống, rãnh thoát nước khu vực sân đỗ tàu bay, các đường lăn mới và khu vực hàng không dân dụng mới.

e) Hệ thống xử lý nước thải

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch trạm xử lý nước thải phía Tây nhà ga hành khách hiện hữu, công suất khoảng 160 m³/ ngày đêm.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch trạm xử lý nước thải đồng bộ với khu hàng không dân dụng mới ở phía Bắc đường cất hạ cánh, công suất khoảng 640 m³/ ngày đêm; có khả năng nâng cao công suất khi có nhu cầu.

g) Khu vực lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch trên khu đất phía Tây nhà ga hành khách hiện hữu, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch đồng bộ với đồng bộ với khu hàng không dân dụng mới ở phía Bắc đường cất hạ cánh với diện tích khoảng 2.300 m², đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường.

4.7. Quy hoạch các công trình dịch vụ hàng không

a) Nhà ga hành khách

- Thời kỳ 2021-2030: Mở rộng nhà ga hành khách hiện hữu đáp ứng công suất khoảng 1,0 triệu hành khách/năm.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch nhà ga hành khách mới khu vực phía Bắc đường cất hạ cánh, công suất khoảng 3,0 triệu hành khách/ năm; dự trữ đất phát triển khi có nhu cầu.

b) Kho hàng hóa

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch kho hàng hóa phía Tây nhà ga hành khách, gần sân đỗ tàu bay hiện hữu, đáp ứng công suất khoảng 1.000 tấn hàng hóa/năm.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch kho hàng hóa phía Đông nhà ga hành khách mới, đáp ứng công suất khoảng 3.000 tấn hàng hóa/năm.

c) Nhà xe ngoại trường (gồm nhà xe, trạm sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không)

- Thời kỳ 2021-2023: Tiếp tục duy trì vị trí hiện hữu; quy hoạch bổ sung 01 vị trí mới khu vực sân đỗ tàu bay phía Nam nhà ga hành khách hiện hữu, diện tích khoảng 1.600 m².

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch bổ sung 01 vị trí cùng với khu hàng không dân dụng mới ở phía Bắc đường cất hạ cánh, diện tích khoảng 4.200 m².

d) Bãi tập kết phương tiện, thiết bị mặt đất

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch 01 vị trí mới khu vực sân đỗ tàu bay phía Nam nhà ga hành khách hiện hữu, diện tích khoảng 1.200 m².

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch bổ sung 01 vị trí cùng với khu hàng không dân dụng mới ở phía Bắc đường cất hạ cánh, diện tích khoảng 4.100 m².

e) Khu cung cấp nhiên liệu hàng không:

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch bổ sung trạm cấp nhiên liệu ở phía Bắc đường cất

hạ cánh trên khu đất diện tích khoảng 20.600 m²; tiếp tục duy trì khu tập kết xe chở nhiên liệu cho máy bay ở phía Đông sân đỗ máy bay hiện hữu; diện tích khoảng 330 m².

- Tầm nhìn đến năm 2050: Tiếp tục sử dụng trạm cấp nhiên liệu trên vị trí được quy hoạch, mở rộng công suất khi có nhu cầu.

4.8. Quy hoạch các công trình dịch vụ phi hàng không, các công trình khác

a) Nhà điều hành Cảng:

- Thời kỳ 2021-2030: Tiếp tục duy trì vị trí hiện hữu.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch đồng bộ với khu hàng không dân dụng mới phía Bắc đường cất hạ cánh, diện tích khoảng 4.100 m².

b) Cảng vụ hàng không:

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch trên khu đất diện tích khoảng 3.000 m².

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch trên khu đất diện tích khoảng 4.600 m².

c) *Đồn Công an địa phương*: Quy hoạch trên khu đất diện tích khoảng 2.800 m².

d) *Văn phòng các hãng hàng không*: Quy hoạch trên khu đất diện tích khoảng 8.100 m².

e) *Trung tâm đào tạo huấn luyện bay*: Quy hoạch tại vị trí phía Bắc đường cất hạ cánh, diện tích khoảng 27.000 m², đầu tư khi có nhu cầu.

4.9. Quy hoạch công trình bảo đảm an ninh sân bay, Hệ thống khẩn nguy, cứu nạn

- Hệ thống khẩn nguy, cứu nạn: Cấp cứu hỏa sân bay đạt cấp 7 theo quy định của ICAO; Quy hoạch cùng với vị trí của Nhà xe ngoại trường.

- Quy hoạch hệ thống hàng rào bao quanh ranh giới Cảng và hệ thống hàng rào an ninh.

4.10. Quy hoạch sử dụng đất

- Thời kỳ 2021-2030: Tổng nhu cầu sử dụng đất khoảng 184,22 ha, trong đó:

+ Diện tích đất dùng chung do dân dụng quản lý: 130,00 ha;

+ Diện tích đất hàng không do dân dụng quản lý: 21,22 ha;

+ Diện tích đất do quân sự quản lý: 33,00 ha.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Tổng nhu cầu sử dụng đất khoảng 244,43 ha, trong đó:

+ Diện tích đất dùng chung do dân dụng quản lý: 143,46 ha;

+ Diện tích đất hàng không do dân dụng quản lý: 67,97 ha;

+ Diện tích đất do quân sự quản lý: 33,00 ha.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu Báo cáo thẩm định của Vụ Kế hoạch - Đầu tư để hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch theo quy định; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và các cơ quan liên quan tổ chức công bố, quản lý và thực hiện quy hoạch.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cập nhật nội dung Quy hoạch vào các quy hoạch của địa phương; bố trí và bảo vệ quỹ đất phù hợp theo Quy hoạch được duyệt, có phương án về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo quỹ đất sẵn sàng đáp ứng khi có nhu cầu phát triển mở rộng theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ; các Vụ: Kế hoạch - Đầu tư, Kết cấu hạ tầng giao thông, Khoa học - Công nghệ và Môi trường; Cục trưởng các Cục: Hàng không Việt Nam, Quản lý đầu tư xây dựng và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: QP, CA, KH&ĐT, TC, XD, NN&PTNT, TN&MT, VHTT&DL, Công Thương;
- Ủy ban QLVNN tại doanh nghiệp;
- UBND tỉnh Cà Mau;
- Các TCT: ACV, VATM;
- Viện Chiến lược và Phát triển GTVT;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, Vụ KHĐT_{HaiVĐ}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Anh Tuấn